**BÀI 5: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

**TIẾT…: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: BÀN VỀ ĐỌC SÁCH**

* **Chu Quang Tiềm -**

Môn học: Ngữ Văn/Lớp: 9

(Thời gian thực hiện: 01 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1- Về kiến thức:**

- Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận và mối liên hệ giữa các yếu tố này, phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày vấn đề chủ quan.

**2-Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp, hợp tác lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**2.2. Năng lực đặc thù**

- Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày vấn đề chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết).

- Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB.

- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

- Hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong VB, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau.

\* Lồng ghép ĐĐLS

Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội.

**3. Về phẩm chất:**

\* Lồng ghép ĐĐLS: Yêu, trân trọng nghệ thuật và khoa học.

- Trung thực và có trách nhiệm với ý kiến của mình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV; Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu; Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm; Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Bàn về đọc sách*

**b. Nội dung:** GV cho học sinh xem video giới thiệu về *Học để làm gì?*

**c. Sản phẩm:** HS quan sát video

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu video: *Học để làm gì?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát video

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- HS theo dõi video, nêu cảm nhận.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* Hoạt động 2: Tìm hiểu chung**  **a. Mục tiêu:** Đọc VB và sử dụng một số kĩ thuật đọc khi trả lời các câu hỏi Trong khi đọc. Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm  **b. Nội dung:**  *Em hãy nêu một số hiểu biết về tác giả Chu Quang Tiềm?*  *Em hãy nêu hoàn cảnh sáng tác của văn bản?*  *Nêu xuất xứ của văn bản? Thể loại?*  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của nhóm HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  (như mục nội dung)  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét về kĩ năng đọc diễn cảm của HS, cách HS thực hiện kĩ năng suy luận. Sau đó, GV chia sẻ với HS những suy nghĩ của bản thân khi thực hiện các hoạt động theo dõi, suy luận.   |  |  | | --- | --- | | **Tìm hiểu chung về vb Bàn về đọc sách** | | | ND tìm hiểu | Câu trả lời | | Xuất xứ |  | | Thể loại |  | | Bố cục |  | | **I. Đọc, tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Chu Quang TiÒm (1897-1986 ) lµ nhµ mÜ häc, nhµ lÝ luËn v¨n häc lín cña Trung Quèc.  - TrÝch trong cuèn : Danh nh©n Trung Quèc bµn vÒ vÒ niÒm vui nçi buån cña viÖc ®äc s¸ch.  **b. Tác phẩm**  **1. Xuất xứ**  - Trích từ “Danh nhân Trung Quốc bàn về niềm vui nỗi buồn của việc đọc sách”  **2. Thể loại**  - Văn bản nghị luận  **3. Phương thức biểu đạt**  - Phương thức biểu đạt: nghị luận  **4. Bố cục**  + P1: Từ đầu...***phát hiện 1 thế giới mới***:  Sự cần thiết và ý nghĩa của việc đọc sách.  + P2: Tiếp...***tự tiêu hao lực lượng***: Những khó khăn và nguy hại của việc đọc sách trong tình hình hiện nay.  + P3: Đọc sách không -> hết: Phương pháp chọn sách và đọc sách. |
| **\* Hoạt động 3: Khám phá văn bản**  **a. Mục tiêu:**  1/Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB.  - Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.  2/ Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày vấn đề chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết).  **b. Nội dung:**  HS đọc VB và điền vào PHT sau:   |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **Câu 1:** Luận đề của VB là gì? Xác định luận điểm của VB dựa vào gợi ý sau:  *Gợi ý : Xác định luận đề dựa vào nhan đề VB, nội dung bao quát của VB. Xác định bố cục và nội dung chính của từng phần, từ đó suy ra luận điểm*.  - Luận đề của văn bản:………………………………………………………………….  Câu 2: Xác định hệ thống luận điểm của VB: |   **c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung (NV1)  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc cá nhân  - GV quan sát, gợi mở(nếu cần)  ***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác lắng nhận xét, bổ sung (nếu cần).  ***\*B4: Kết luận, nhận định*:**  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **II. Đọc hiểu VB**  **1. Luận đề của VB:** Bàn luận về giá trị của sách và cách đọc sách đúng  - Mục đích của người viết: không chỉ đưa ra tầm quan trọng của việc đọc sách, mà còn nêu lên sự cần thiết của việc đọc sâu, đọc kĩ…  **2. Hệ thống luận điểm**  **+ LĐ 1:** Tầm quan trọng, ý nghĩa cần thiết của việc đọc sách.  **+ LĐ 2:** Khó khăn, nguy hại trong việc đọc sách.  **+ LĐ 3:** Phương pháp đọc sách (cách lựa chọn và cách đọc). |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung (NV2)  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc cá nhân  - GV quan sát, gợi mở(nếu cần)  ***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác lắng nhận xét, bổ sung (nếu cần).  ***\*B4: Kết luận, nhận định*:**  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **2.** **Hệ thống lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.** |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung (NV3)  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc cá nhân  - GV quan sát, gợi mở(nếu cần)  *\*B3: Báo cáo, thảo luận:*  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác lắng nhận xét, bổ sung (nếu cần).  *\*B4: Kết luận, nhận định*:  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **3.Cách trình bày vấn đề trong văn bản**  - Vấn đề đưa ra rõ ràng, cụ thể.  - Cách trình bày chặt chẽ  - Sử dụng dẫn chứng (bằng chứng) phù hợp, tiêu biểu, thuyết phục. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong văn bản, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau.

**b. Nội dung:**

Ngoài những phương pháp mà tác giả đã bàn, em hãy chia sẻ với các bạn của mình những phương pháp đọc hiệu quả khác mà em biết.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***GV giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung.

***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS làm việc cá nhân.

- GV quan sát, gợi mở (nếu cần).

***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***

- Trình bày cá nhân.

|  |  |
| --- | --- |
| \* Một số bất cập: | \* Giải pháp: |
| - Nhiều bạn học sinh, sinh viên vẫn đang thụ động tiếp nhận các bài giảng trên lớp của thầy cô mà không suy nghĩ, đào sâu, không sáng tạo, không vận dụng tư duy bản thân để phát triển thêm bài học.  - Học sinh, sinh viên vẫn tồn tại tâm lý học lệch, như quá thiên về các môn như toán, lý, hóa, văn, ngoại ngữ… mà bỏ qua các môn khác.  - Giới trẻ hiện nay vẫn đang chăm chỉ tích lũy cho mình bằng cấp, chứng chỉ, thậm chí ôm lý thuyết suông nhưng chưa chú trọng trau dồi kinh nghiệm thực tiễn, chưa chủ động tiếp cận với thực tế để làm phong phú vốn hiểu biết của mình mà sách vở không thể cung cấp hết được, chưa chú trọng thực tập, thực hành các kỹ năng cần thiết. | Cần quan tâm đến chất lượng lao động, nâng cao năng suất lao động. Muốn làm được điều này phải quan tâm hơn đến giáo dục nghề nghiệp, phải gắn kết giáo dục nghề nghiệp với giáo dục đại học để xác định cần đào tạo kiến thức gì, kỹ năng gì, lĩnh vực gì để ưu tiên. Không nên đào tạo theo hướng có cơ sở vật chất thế nào, có đội ngũ thế nào cứ đào tạo theo hướng đó, mà phải nghĩ đến thị trường lao động, yêu cầu phát triển của đất nước. |

- Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có).

***\*B4: Kết luận, nhận định:***

\* Lồng ghép ĐĐLS: Tóm tắt câu trả lời của các nhóm HS, GV khẳng định có nhiều cách nhìn, cách cảm nhận khác nhau về cùng một vấn đề, chi tiết, hình ảnh trong VB văn học.

**D. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản đã học mang lại.

**b. Nội dung:**

**c. Sản phẩm:** Bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ

( Giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung).

**\*Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ:

- GV quan sát, gợi mở, hỗ trợ (nếu cần).

- HS suy nghĩ cá nhân.

**\*Bước 3:** Báo cáo, thảo luận:

- Trình bày cá nhân.

- Các HS khác theo dõi, nhận xét, phản biện (nếu có).

**\*Bước 4:** Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét thái độ tích cực chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS.

- Tuyên dương, ghi điểm cho những HS có bài viết hay. Động viên, khuyến khích những HS chưa hoàn thành được nhiệm vụ.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Soạn bài *tiếp theo*

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

- Phiếu học tập:

======//=======//========

**TIẾT…: THỰC HÀNH ĐỌC: KHOA HỌC MUÔN NĂM**

**-GO-RƠ-KI -**

Môn học: Ngữ Văn/Lớp: 9

(Thời gian thực hiện: 02 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1-/ Về kiến thức:**

- Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB nghị luận và mối liên hệ giữa các yếu tố này, phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày vấn đề chủ quan.

**2-/ Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp, hợp tác lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**2.2. Năng lực đặc thù**

- Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày vấn đề chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết).

- Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB.

- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

- Hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong VB, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau.

\* Lồng ghép ĐĐLS

Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội.

**3. Về phẩm chất:**

\* Lồng ghép ĐĐLS: Yêu, trân trọng nghệ thuật và khoa học.

- Trung thực và có trách nhiệm với ý kiến của mình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV; Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu; Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm; Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Khoa học muôn năm*

**b. Nội dung:** GV cho học sinh xem video giới thiệu về *Những thành tựu khoa học nổi bật năm 2023*

**c. Sản phẩm:** HS quan sát video

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu video: *Những thành tựu khoa học nổi bật năm 2023*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát video

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- HS theo dõi video, nêu cảm nhận.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung**  **a. Mục tiêu:** Đọc VB và sử dụng một số kĩ thuật đọc khi trả lời các câu hỏi Trong khi đọc. Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm  **b. Nội dung:**  *Em hãy nêu một số hiểu biết về tác giả Go-rơ-ki?*  *Em hãy nêu hoàn cảnh sáng tác của văn bản?*  *Nêu xuất xứ của văn bản? Thể loại?*  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của nhóm HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  (như mục nội dung)  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét về kĩ năng đọc diễn cảm của HS, cách HS thực hiện kĩ năng suy luận. Sau đó, GV chia sẻ với HS những suy nghĩ của bản thân khi thực hiện các hoạt động theo dõi, suy luận. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  + Mác-xim Go-rơ-ki (1868-1936) là một nhà văn người Nga của thế kỉ 20, ông tên thật là A-lếch-xây Pê-scop.  + Quê quán: Ông sinh tại thành phố công nghiệp Nizhni Novgorod trên bờ sông Vôn-ga trong một gia đình lao động.  + Ông mồ côi cha từ khi 3 tuổi.  + Ngay từ thời thơ ấu, Go-rơ-ki đã phải chịu một sự giáo dục nghiệt ngã, hà khắc của ông ngoại.  + Khi lên 10 tuổi, mồ côi cả cha lẫn mẹ, ông đã phải lăn vào đời để kiếm sống, ông làm đủ nghề, có lúc ông phải đi ăn xin.  + Ông rất ham đọc sách và chính niềm đam mê này cùng những bươn trải đã giúp ông nảy sinh cảm hứng và năng lực áng tác văn chương.  + Những tác phẩm tiêu biểu của ông: Bộ ba tiểu thuyết tự thuật: Thời thơ ấu (1913-1914), Kiếm sống (1916), Những trường đại học của tôi (1923) và Người mẹ (1906-1907).  **b. Tác phẩm**  **- Thể loại:** Tác phẩm Khoa học muôn năm thuộc thể loại: văn bản nghị luận  **- Xuất xứ:** Được ra đời vào tháng 4 năm 1917. In trong Những bài diễn thuyết nổi tiếng trong lịch sử thế giới, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2009. |
| **\* Hoạt động 2.2: Khám phá văn bản**  **a. Mục tiêu:**  1/Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB.  - Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.  2/ Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày vấn đề chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết).  **b. Nội dung:**  **1/ (NV1)** Nhóm 2 HS đọc VB và điền vào PHT sau:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **Câu 1:** Luận đề của VB là gì? Xác định bố cục và luận điểm của VB dựa vào gợi ý sau:  *Gợi ý : Xác định luận đề dựa vào nhan đề VB, nội dung bao quát của VB. Xác định bố cục và nội dung chính của từng phần, từ đó suy ra luận điểm*.  - Luận đề của văn bản:………………………………………………………………….  - Bố cục và luận điểm:   |  |  | | --- | --- | | **Bố cục của văn bản** | **Luận điểm** | | - Phần 1 (từ “tôi cho rằng” đến “giáo dục”) | Giới thiệu khái quát ý kiến của tác giả. | | Phần 2: … | …. | | Phần 3: |  | | Phần 4: |  | | Phần 5: |  | |  |  | |   **2/(NV2)** Nhóm 4 HS đọc VB và điền vào PHT sau:   |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  Vẽ sơ đồ dựa vào gợi ý sau:  Soạn bài Khoa học muôn năm | Hay nhất Soạn văn 9 Cánh diều |   **3/(NV3)**Cá nhân HS trả lời câu hỏi trong SGK theo mẫu sau:   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** | | **Câu 1:** Tác giả đã nhấn mạnh ý kiến của mình ở phần (1) bằng cách nào? Ưu điểm của cách nhấn mạnh đó là gì? | … | | **Câu 2:** Sự khác biệt giữa nghệ thuật và khoa học được lí giải ở phần (2) nhằm mục đích gì? Nhận xét về cách nêu lí lẽ và phân tích bằng chứng trong phần này. |  | | **Câu 3:** Câu nói của nhà khoa học nổi tiếng được trích dẫn trong phần (3) có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện ý kiến của người viết? |  | | **Câu 4:** Xác định luận điểm của phần (4). Những yếu tố nào góp phần tạo nên sức thuyết phục trong cách trình bày luận điểm này? |  | | **Câu 5:** Thái độ của tác giả được thể hiện như thế nào ở phần (5)? Từ cách viết phần kết của tác giả, em có thể học hỏi được điều gì? |  | | **Nhận xét về việc kết hợp hai cách trình bày:**  … | |   **c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung (NV1)  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc cá nhân  - GV quan sát, gợi mở(nếu cần)  ***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác lắng nhận xét, bổ sung (nếu cần).  ***\*B4: Kết luận, nhận định*:**  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **II. Khám phá văn bản**  **1.Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản**  - Luận đề: Giá trị của khoa học và nghệ thuật, mối quan hệ giữa khoa học và nghệ thuật.  - Bố cục, luận điểm:   |  |  | | --- | --- | | **Bố cục văn bản** | **Luận điểm** | | - Phần 1 (từ “tôi cho rằng” đến “giáo dục”) | Giới thiệu khái quát ý kiến của tác giả. | | - Phần 2 (tiếp theo đến …. “nhân loại”) | Sự khác biệt giữa nghệ thuật và khoa học. | | Phần 3 (tiếp theo đến … “chúng ta) | Khẳng định của tác giả về một nền dân chủ nước Nga cùng với nền khoa học. | | Phần 4 (tiếp theo đến … “của mình) | Thái độ của tác giả đối với những thành quả mà khoa học mang lại. | | Phần 5 (đoạn còn lại) | Nhấn mạnh tầm quan trọng của khoa học. | |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung (NV2)  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc cá nhân  - GV quan sát, gợi mở(nếu cần)  ***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác lắng nhận xét, bổ sung (nếu cần).  ***\*B4: Kết luận, nhận định*:**  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **2.** **Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.** |
| Soạn bài Khoa học muôn năm | Hay nhất Soạn văn 9 Cánh diều | |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung (NV3)  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc cá nhân  - GV quan sát, gợi mở(nếu cần)  *\*B3: Báo cáo, thảo luận:*  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác lắng nhận xét, bổ sung (nếu cần).  *\*B4: Kết luận, nhận định*:  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **3.Cách trình bày vấn đề trong văn bản** |
| |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** | | **Câu 1:** Tác giả đã nhấn mạnh ý kiến của mình ở phần (1) bằng cách nào? Ưu điểm của cách nhấn mạnh đó là gì? | - Tác giả nhấn mạnh bằng cách đưa ra các từ ngữ phủ định rồi lại khẳng định; và thêm vào đó là việc bộc lộ sự chân thành của mình.  - Các nhấn mạnh đó có ưu điểm là sẽ tạo sự ấn tượng với người đọc, gây cảm xúc xúc động, tin tưởng. | | **Câu 2:** Sự khác biệt giữa nghệ thuật và khoa học được lí giải ở phần (2) nhằm mục đích gì? Nhận xét về cách nêu lí lẽ và phân tích bằng chứng trong phần này. | - Nêu sự khác biệt giữa nghệ thuật và khoa học nhằm mục đích nhấn mạnh sự ưu việt, giá trị chân lí của khoa học.  - Tác giả đưa ra lí lẽ chặt chẽ, xác đáng, các bằng chứng rất thuyết phục. | | **Câu 3:** Câu nói của nhà khoa học nổi tiếng được trích dẫn trong phần (3) có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện ý kiến của người viết? | - Câu nói của nhà khoa học Timiryazev tăng tính tin cậy, thuyết phục người đọc về giá trị mà khoa học có thể đem lại cho nhân loại. | | **Câu 4:** Xác định luận điểm của phần (4). Những yếu tố nào góp phần tạo nên sức thuyết phục trong cách trình bày luận điểm này? | \* Luận điểm:  - Tưởng tượng về một tòa thành khoa học.  - Giá trị mà tòa thành ấy đem đến cho con người.  - Cách sống và làm việc từ khoa học.  \* Sức thuyết phục:  - Lí lẽ, lập luận chặt chẽ.  - Đưa ra các dẫn chứng xác đáng.  - Đặt vấn đề và đưa ra hướng giải quyết. | | **Câu 5:** Thái độ của tác giả được thể hiện như thế nào ở phần (5)? Từ cách viết phần kết của tác giả, em có thể học hỏi được điều gì? | - Thái độ: trân trọng, ngợi ca và tuyệt đối hóa giá trị của khoa học đối với sự phát triển của nhân loại.  - Học hỏi: bên cạnh hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng, cần đưa thêm cảm xúc cá nhân chân thành để chạm đến trái tim người đọc. | | **Nhận xét về việc trình bày:**  - Luận điểm rõ ràng, thuyết phục.  - Bố cục bài viết hợp lí, chặt chẽ, các ý được dấn dắt tự nhiên.  **1. Ý kiến của tác giả về khoa học**  - Tác giả sử dụng các từ “không”, “có thể”, “hơn là”, “không những thế và bày  tỏ sự chân thành, tự giác của bản thân”.  - Tác giả nhấn mạnh bằng cách đưa ra các từ ngữ phủ định rồi lại khẳng định; và thêm vào đó là việc bộc lộ sự chân thành của mình.  - Các nhấn mạnh đó có ưu điểm là sẽ tạo sự ấn tượng với người đọc, gây cảm xúc xúc động, tin tưởng.  **2. Sự khác biệt giữa nghệ thuật và khoa học**  - Nghệ thuật là tình cảm, phụ thuộc vào cảm xúc, khuất phục trước cá tính, khó phá vỡ rào cản định kiến.  - Khoa học thực nghiệm là kinh nghiệm, tri thức thông qua quan sát tỉ mỉ, lí luận logic, thoát khỏi thứ mà nghệ thuật không rũ bỏ được và nó mang tính quốc tế, nhân loại.  **3. Thái độ của tác giả thông qua bài viết**  - Thái độ: trân trọng, ngợi ca và tuyệt đối hóa giá trị của khoa học đối với sự phát triển của nhân loại.  - Hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng, cần đưa thêm cảm xúc cá nhân chân thành để chạm đến trái tim người đọc.… | | | |
|  |  |

**C. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong VB, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau.

**b. Nội dung:**

HS trả lời câu hỏi: Điểm giống nhau và khác nhau giữa khoa học và nghệ thuật.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***GV giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung.

***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS làm việc cá nhân.

- GV quan sát, gợi mở (nếu cần).

***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***

- Trình bày cá nhân.

|  |  |
| --- | --- |
| **Khoa học** | **Nghệ thuật** |
| - Lao động tinh thần trên cơ sở tư duy logic - tư biện.  - Biện pháp chính là trừu tượng hóa.  - Sinh ra sản phẩm vật chất cụ thể  - Các sản phẩm tinh thần chỉ là trung gian. - Đoạn đường trung gian này càng ngày càng ngắn.  - Kinh nghiệm tri thức là nền tảng.  - Cần có óc tưởng tượng phi thường và khả năng chăm chú thế giới.  - Tách xa các quan niệm triết học - độc lập với các quan hệ này - vì đối tượng của khoa học là tự nhiên.  - Có cơ chế sáng tạo gần gũi với sáng tạo nghệ thuật (thí dụ như những vấn đề đặt ra trong Heuristik - phát hiện học rất đúng với quá trình sáng tác)*.*  - Nhà khoa học có thể làm việc độc lập với các biến động và sinh hoạt xã hội.  - Sự cô đơn tính chất độc lập, cá tính sáng tạo là cần thiết.  - v v | - Lao động tinh thần trên cơ sở cảm quan hình tượng.  - Biện pháp là nhập cảm kết hợp với suy đoán trừu tượng.  - Sinh ra sản phẩm tinh thần không có con đường tác động trực tiếp vào sản xuất vật chất như khoa học.  - Con đường gián tiếp này càng ngày càng dài ra.  - Kinh nghiệm xúc cảm là nền tảng.  - Cần có óc tưởng tượng phi thường nhờ khả năng liên tưởng "vô qui tắc" - cần khả năng chăm chú thế giới.  - Gắn chặt với các quan niệm triết học - đối tượng là con người với tư cách là sản phẩm của xã hội và của tự nhiên (vế thứ hai này hay bị lãng quên một cách vô thức). - Có cơ chế sáng tạo gần gũi với sáng tạo khoa học.  - Nghệ sĩ chỉ có thể làm việc sáng tạo khi hòa nhập mình với đời sống xã hội - sự ở ẩn chẳng qua là một cách tổ chức công việc mà thôi.  - Sự cô đơn trong suy nghĩ, tính độc lập của nhân cách và cá tính sáng tạo là cần thiết. - v v |

- Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có).

***\*B4: Kết luận, nhận định:***

\* Lồng ghép ĐĐLS: Tóm tắt câu trả lời của các nhóm HS, GV khẳng định có nhiều cách nhìn, cách cảm nhận khác nhau về cùng một vấn đề, chi tiết, hình ảnh trong VB văn học.

**D. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

**b. Nội dung:**

Trong bối cảnh đương đại với nhiều vấn đề toàn cầu như dịch bệnh, sự bùng nổ của mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo,…nghệ thuật và khoa học có còn cần thiết với chúng ta không? Vì sao em cho là như vậy? Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) thể hiện suy nghĩ của em về vấn đề trên.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ

( Giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung).

**\*Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ:

- GV quan sát, gợi mở, hỗ trợ (nếu cần).

- HS suy nghĩ cá nhân.

**\*Bước 3:** Báo cáo, thảo luận:

- Trình bày cá nhân.

- Các HS khác theo dõi, nhận xét, phản biện (nếu có).

**\*Bước 4:** Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét thái độ tích cực chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS.

- Tuyên dương, ghi điểm cho những HS có bài viết hay. Động viên, khuyến khích những HS chưa hoàn thành được nhiệm vụ.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Soạn bài *tiếp theo*

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

- Phiếu học tập:

======//=======//========

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**TIẾT...... THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**CÂU ĐƠN, CÂU GHÉP**

**I. Mục tiêu**

**1. Về năng lực:**

**a. Năng lực đặc thù**

- HS nhận biết được câu đơn, câu ghép, các kiểu câu ghép và phương tiện nối các vế trong câu ghép, mối quan hệ giữa các vế trong câu ghép.

- HS vận dụng được những hiểu biết và kĩ năng về câu đơn, câu ghép vào việc tiếp nhận và tạo lập văn bản để nâng cao hiệu quả giao tiếp.

**b. Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin.

**2. Về phẩm chất:**

- Nhân ái: yêu ngôn ngữ dân tộc.

- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.

- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

- Có ý thức lựa chọn sử dụng câu đơn hay câu ghép, các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép tuỳ vào các mục đích khác nhau trong thực tế giao tiếp.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 9, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV cho HS xem video về đất nước, con người Việt Nam và đặt câu hỏi gợi dẫn:**

- Nội dung của đoạn video trên là gì?

- Đặt câu liên quan đến nội dung đoạn video.

**- GV dẫn dắt vào bài học mới:**

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:** Trình bày được cách thức lựa chọn câu đơn – câu ghép, các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép.

**b. Nội dung:**

- Trình bày ngắn gọn cách thức lựa chọn câu đơn – câu ghép, các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **+ GV y/c HS trình bày nội dung đã GV đã giao cho HS chuẩn bị ở nhà theo các câu hỏi sau:**  - Thế nào là câu đơn, câu ghép  - Các lọai câu ghép  - phương tiện nối các vế trong câu ghép và mối quan hệ giữa các vế trong câu ghép  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS suy nghĩ, lắng nghe và trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Hình thành kiến thức**  **1. Câu đơn, câu ghép.**  - Câu đơn là câu do 1 cụm chủ vị nòng cốt ( cụm c-v) không bị bao chứa trong cụm từ chính phụ hoặc cụm c-v khác tạo thành  - Câu ghép là câu do hai hoặc nhiều cụm c-v ghép lại với nhau tạo thành. Mỗi cụm c-v được gọi là một vế câu.  **2. Các kiểu câu ghép**  + Câu ghép đẳng lập:  - Các vế câu có mối quan hệ bình đẳng với nhau  - Về nghĩa: các vế trong câu ghép đẳng lập có các quan hệ: liệt kê, nối tiếp, đối ứng, lựa chọn  + Câu ghép chính phụ  - Các vế câu có quan hệ phụ thuộc với nhau tạo thành  - về nghĩa: giữa các vế trong câu ghép chính phụ có quan hệ: Nguyên nhân- kết quả; điều kiện, kết quả, mục đích, chú giải  **3.Cách nối các cụm chủ vị trong câu ghép:**  + bằng kết từ, cặp kết từ  + các phó từ, cặp phó từ, cặp đại từ |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng được những tri thức đã biết để giải các bài tập về câu đơn, câu ghép

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV: chia lớp thành 4 nhóm:**  **N1: câu a**  **N2: câu b**  **N3: câu c, d**  **N4: câu e**  **HS làm vào phiếu HT theo nội dung:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu | Chủ ngữ, vị ngữ | Phân loại câu  (câu đơn, câu ghép ĐL, câu ghép C-P) | | a |  |  | | b |  |  | | c |  |  | | d |  |  | | e |  |  |   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS hoàn thành bài tập, thảo luận, báo cáo sản phẩm nhóm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV: chia lớp thành 4 nhóm:**  **HS làm vào phiếu HT theo nội dung:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu | Kết từ | Mối quan hệ giữa các vế câu: | | a |  |  | | b |  |  | | c |  |  | | d |  |  | | e |  |  |   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS hoàn thành bài tập, thảo luận, báo cáo sản phẩm nhóm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập 3  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS suy nghĩ, làm bài tập cá nhân  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập 4  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS suy nghĩ, làm bài tập cá nhân  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập 5:  **Bước 2: HS viết đoạn văn**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS suy nghĩ, làm bài tập cá nhân  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận | **Bài tập 1**  a) Bác Hồ / sống đời sống giản dị, thanh bạch như  CN1 VN1  vậy,**//** bởi vì Người / sống sôi nổi, phong phú  CN2 VN2  đời sống và cuộc đấu tranh gian khổ và ác liệt của quần chúng nhân dân.  (Phạm Văn Đồng)   * **Câu ghép chính phụ**    b) Trên diện tích không rộng, mọc lên //  VN  hàng nghìn đảo đá muôn hình muôn vẻ, tựa tấm thảm xanh lộng lẫy, lấp lánh vô số châu ngọc.  CN  (Thi Sảnh)   * **Câu đơn**   c) Mừng**/** đi trước dẫn đường,**//** Nghi **/**dắt ngựa  CN1 VN1 CN2 VN2  theo sau. (Phùng Quán)   * **Câu ghép đẳng lập**   d) Chúng tôi, mọi người – kể cả anh, **//**đều tưởng  CN VN  con bé sẽ đứng yên đó thôi. (Nguyễn Quang Sáng)   * **Câu đơn**   e) Em /ngủ và chị /cũng thiu thiu ngủ theo.  CN1 VN1 CN2 VN2  (Băng Sơn)   * **Câu ghép đẳng lập**   **Bài tập 2**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Kết từ** | **Mối quan hệ giữa các vế câu:** | | a. Giá nhà con khỏe khoắn thì con chả dám kêu. | Giá … thì | điều kiện – kết quả | | b. Vì tôi thẳng tợn nên hai cậu chủ bé nhỏ của tôi yêu quý tôi lắm. | Vì …nên | nguyên nhân – kết quả | | c. Tuy rét vẫn kéo dài, mùa xuân đã đến bên bờ sông Lương. | Tuy | nhượng bộ | | d. Các em phải gắng học để thầy mẹ được vui lòng và để thầy dạy các em được sung sướng. | Để…và để | mục đích | | e. Hai người giằng co nhau, du đẩy nhau, rồi ai nấy đều buông gây ra, áp vào vật nhau. | rồi | nối tiếp |   **Bài tập 3:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Câu ghép** | **Lí do không thể tách câu ghép thành câu đơn** | | a | Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng. | Vì các vế câu liên kết bằng các quan hệ từ nguyên nhân - kết quả | | b | Buổi sớm, Mặt Trời lên ngang cột buồm, sương tan, trời mới quang. Buổi chiều, nắng vừa nhạt, sương đã buông nhanh xuống mặt biển. | Các vế theo quan hệ liệt kê | | c | Hắn làm nghề ăn trộm nên vốn không ưa lão Hạc bởi vì lão lương thiện quá. | Vì các vế theo quan hệ nguyên nhân - kết quả | | d | Anh Sáu phải lo tiếp khách, anh như không chú ý đến con nữa. | Vì các vế theo quan hệ liệt kê |   **Bài tập 4:**  Câu có thể bỏ chủ ngữ của một trong hai vế: là câu b: vì CN ở 2 vế đều là tôi.  Câu không thể lược bỏ: a, c vì chủ ngữ ở hai vế khác nhau, lược đi sẽ thiếu thông tin  **Bài tập 5:**  Hình thức: - Đoạn văn   * Có sử dụng câu ghép   Nội dung: Vai trò của việc đọc sách |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (làm ở nhà)**

**a. Mục tiêu:** Viết được đoạn văn có sử dụng câu ghép.

**b.** **Nội dung:**

Em hãy viết đoạn văn ngắn (10-15 dòng) nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường, trong đó có ít nhất một câu ghép.

**c.** **Sản phẩm:**

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:*** GV giao nhiệm vụ như mục nội dung.

### \*B2: Thực hiện nhiệm vụ: Cá nhân HS thực hiện viết đoạn văn

***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***

### HS trình bày

***\* B 4: Kết luận, nhận định***

### GV nhận xét ý kiến của HS, kết luận những kiến thức trọng tâm của bài học.

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**TIẾT…: THỰC HÀNH ĐỌC: MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC HỌC**

**-NGUYỄN CẢNH TOÀN -**

Môn học: Ngữ Văn/Lớp: 9

(Thời gian thực hiện: 01 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1-/ Về kiến thức:**

- Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận và mối liên hệ giữa các yếu tố này, phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày vấn đề chủ quan.

**2-/ Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp, hợp tác lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**2.2. Năng lực đặc thù**

- Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày vấn đề chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết).

- Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB.

- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

- Hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong VB, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau.

\* Lồng ghép ĐĐLS

Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội.

**3. Về phẩm chất:**

\* Lồng ghép ĐĐLS: Yêu, trân trọng nghệ thuật và khoa học.

- Trung thực và có trách nhiệm với ý kiến của mình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV; Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu; Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm; Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Khoa học muôn năm*

**b. Nội dung:** GV cho học sinh xem video giới thiệu về *Học để làm gì?*

**c. Sản phẩm:** HS quan sát video

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu video: *Học để làm gì?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát video

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- HS theo dõi video, nêu cảm nhận.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung**  **a. Mục tiêu:** Đọc VB và sử dụng một số kĩ thuật đọc khi trả lời các câu hỏi Trong khi đọc. Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm  **b. Nội dung:**  *Em hãy nêu một số hiểu biết về tác giả Nguyễn Cảnh Toàn?*  *Em hãy nêu hoàn cảnh sáng tác của văn bản?*  *Nêu xuất xứ của văn bản? Thể loại?*  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của nhóm HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  (như mục nội dung)  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét về kĩ năng đọc diễn cảm của HS, cách HS thực hiện kĩ năng suy luận. Sau đó, GV chia sẻ với HS những suy nghĩ của bản thân khi thực hiện các hoạt động theo dõi, suy luận. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Nguyễn Cảnh Toàn sinh ngày 28 tháng 9 năm 1926 tại làng Nghiêm Thắng, tại xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.  - Nguyễn Cảnh Toàn vào học ở Trường Quốc học Huế năm 1942 và tốt nghiệp tú tài Toán năm 1944. Đây là thời kỳ có các giáo sư người Pháp giảng dạy nên ông đã hấp thu được một số kiến thức tiến bộ của phương Tây.  - Cuối năm 1946, trong kỳ thi toán học đại cương, Nguyễn Cảnh Toàn đã tham dự và đỗ thủ khoa. Năm 1947, trong thời gian kháng chiến, Sở Giáo dục Khu 4 triệu tập ông về dạy toán cho Trường Trung học chuyên khoa Huỳnh Thúc Kháng.  - Năm 1951, ông được Bộ Giáo dục Việt Nam điều lên dạy đại học ở Khu học xá Trung ương, đặt tại Nam Ninh (Trung Quốc).  - Năm 1954, Nguyễn Cảnh Toàn giảng dạy toán tại trường Đại học Khoa học Hà Nội.  - Năm 1957, ông nằm trong số chín cán bộ giảng dạy đại học đầu tiên sang Liên Xô làm thực tập sinh. Năm 1958, ông bảo vệ thành công luận án Phó tiến sĩ (nay gọi là tiến sĩ) tại Đại học Lomonosov.  - Trở về Việt Nam năm 1959, ông giảng dạy tại khoa Toán và tự nghiên cứu đề tài khoa học về hình học.  - Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ khoa học về hình học, ông tiếp tục giảng dạy tại khoa Toán Đại học sư phạm Hà Nội và đảm nhiệm các chức vụ: chủ nhiệm bộ môn hình học, chủ nhiệm khoa toán, hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Hà Nội (1967 – 1975), Thứ trưởng Bộ Giáo dục, nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo (1976 – 1989).  - Năm 1994, ông nghỉ hưu. Cho đến năm 2006, ông vẫn tiếp tục nghiên cứu và giảng dạy bộ môn toán.  - Ông mất ngày 8 tháng 2 năm 2017 tại Hà Nội.  **b. Tác phẩm**  **1. Thể loại**  - Tác phẩm Mục đích của việc học thuộc thể loại: văn bản nghị luận  **2. Xuất xứ**  - In trong Học và dạy cách học, Nguyễn Cảnh Toàn (chủ biên), Nguyễn Kỳ, Lê Khánh Bằng, Vũ Văn Tảo, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2004.  **3. Phương thức biểu đạt**  - Phương thức biểu đạt: nghị luận |
| **\* Hoạt động 2.2: Khám phá văn bản**  **a. Mục tiêu:**  1/Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB.  - Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.  2/ Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày vấn đề chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết).  **b. Nội dung:**  **1/ (NV1)** Nhóm 2 HS đọc VB và điền vào PHT sau:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **Câu 1:** Luận đề của VB là gì? Xác định bố cục và luận điểm của VB dựa vào gợi ý sau:  *Gợi ý : Xác định luận đề dựa vào nhan đề VB, nội dung bao quát của VB. Xác định bố cục và nội dung chính của từng phần, từ đó suy ra luận điểm*.  - Luận đề của văn bản:………………………………………………………………….  - Bố cục và luận điểm:   |  |  | | --- | --- | | **Bố cục của văn bản** | **Luận điểm** | | - Phần 1 (từ “bước vào thế kỉ” đến … “học để làm người”) | Giới thiệu vấn đề | | Phần 2: … | …. | | Phần 3: |  | | Phần 4: |  | | Phần 5: |  |   **Câu 2:** *Nêu những đặc điểm bối cảnh được nói tới ở phần (1). Vấn đề nghị luận có ý nghĩa như thế nào trong bối cảnh đó?* |   **2/(NV2)** Nhóm 4 HS đọc VB và điền vào PHT sau:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  Vẽ sơ đồ dựa vào gợi ý sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Luận điểm** | **Lí lẽ, bằng chứng** | **Nhận xét** | | Học để hiểu |  |  | | Học để làm |  |  | | Học để hợp tác, cùng chung sống |  |  | | Học để  làm người |  |  | |   **3/(NV3)**Cá nhân HS trả lời câu hỏi trong SGK theo mẫu sau:   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** | | **Câu 1:** Chú ý cách người viết dẫn dắt, giới thiệu vấn đề. | … | | **Câu 2:** Luận điểm nêu ở phần (2) được triển khai như thế nào? |  | | **Câu 3:** Tác giả đã sắp xếp các luận điểm theo thứ tự nào? Theo em, có nên thay đổi thứ tự sắp xếp các luận điểm không? Vì sao? |  | | **Câu 4:** Qua văn bản *Mục đích của việc học*, tác giả muốn khẳng định điều gì? Điều đó có ý nghĩa như thế nào trong bối cảnh hiện nay? |  | | **Câu 5:** Theo em, sức thuyết phục của văn bản này được tạo nên bởi những yếu tố nào? Hãy đưa ra lí lẽ và phân tích bằng chứng để làm rõ một trong những yếu tố đó. |  | | **Nhận xét về việc kết hợp hai cách trình bày:**  … | |   **c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung (NV1)  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc cá nhân  - GV quan sát, gợi mở(nếu cần)  ***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác lắng nhận xét, bổ sung (nếu cần).  ***\*B4: Kết luận, nhận định*:**  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **II. Khám phá văn bản**  **1. Bối cảnh vấn đề**  **\* Bối cảnh:** xu thế toàn cầu hóa kinh tế thị trường, kinh tế tri thức và chuyển sang xã hội thông tin, xã hội học tập.  **\*Vấn đề nghị luận** là việc học suốt đời có ý nghĩa then chốt để bước vào thế kỉ XXI.  **\*Bố cục, luận điểm:**  - Phần 1 (từ “bước vào thế kỉ” đến … “học để làm người”): giới thiệu vấn đề.  - Phần 2 (tiếp theo đến … “văn hóa cơ bản”): học để hiểu.  - Phần 3 (tiếp theo đến … “xã hội học tập): học để làm.  - Phần 4 (tiếp theo đến … “làm người”): học để hợp tác, cùng chung sống.  - Phần 5 (đoạn còn lại): học để làm người. |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung (NV2)  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc cá nhân  - GV quan sát, gợi mở(nếu cần)  ***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác lắng nhận xét, bổ sung (nếu cần).  ***\*B4: Kết luận, nhận định*:**  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **2.** **Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.** |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Luận điểm** | **Lí lẽ, bằng chứng** | **Nhận xét** | |  |  |  |   **Trả lời:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Luận điểm** | **Lí lẽ, bằng chứng** | **Nhận xét** | | Học để hiểu | - là đi sâu nắm bắt bản chất; khai thác, phân tích; tư duy  - là cách học khoa học, tự nghiên cứu, tạo cho mình năng lực tự học  - mối quan hệ giữa học và hiểu | - Hệ thống luận điểm mạch lạc, rõ ràng và được liên kết chặt chẽ với nhau  - Các lí lẽ và dẫn chứng được trình bày theo kết cấu khá giống nhau ở mỗi luận điểm tạo sự logic, nhất quán  - Bằng chứng đưa ra thuyết phục, xác đáng, tạo được niềm tin cho người đọc | | Học để làm | - Các quan điểm của Hồ Chí Minh, Kant, Piaget  - Cần có năng lực xử lí tình huống mới  - Mối quan hệ giữa học và làm | | Học để hợp tác, cùng chung sống | - cần hiểu bản thân và người khác  - ý nghĩa  - Mối quan hệ giữa học và hợp tác | | Học để  làm người | - giải thích  - khám phá ra bản thân, vượt qua chính mình  - kết quả: tạo ra con người tự chủ, sáng tạo… | | |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung (NV3)  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc cá nhân  - GV quan sát, gợi mở(nếu cần)  *\*B3: Báo cáo, thảo luận:*  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác lắng nhận xét, bổ sung (nếu cần).  *\*B4: Kết luận, nhận định*:  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **3.Cách trình bày vấn đề trong văn bản** |
| |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** | | **Câu 1:** Chú ý cách người viết dẫn dắt, giới thiệu vấn đề. | - Nêu ra xu thế chung của thế giới để nhấn mạnh việc học suốt đời là chìa khóa bước vào thế kỉ XXI.  - Lấy dẫn chứng về khuyến cáo của UNESCO. | | **Câu 2:** Luận điểm nêu ở phần (2) được triển khai như thế nào? | Luận điểm học là phải thông hiểu được triển khai với các lí lẽ:  - Giải thích học - hiểu  - Giá trị của học - hiểu  - Học - hiểu để đi sâu vào chuyên ngành  - Mối quan hệ giữa học và hiểu  - Mục đích của học để hiểu | | **Câu 3:** Tác giả đã sắp xếp các luận điểm theo thứ tự nào? Theo em, có nên thay đổi thứ tự sắp xếp các luận điểm không? Vì sao? | Tác giả sắp xếp các luận điểm theo thứ tự từ cơ bản đến phức tạp, từ căn bản, gốc rễ đến khó hơn. Không nên thay đổi thứ tự đó vì phải bắt đầu tuần tự từ bước cơ bản nhất mới tạo ra một con người có đầy đủ các năng lực đáp ứng xu thế thời đại. | | **Câu 4:** Qua văn bản *Mục đích của việc học*, tác giả muốn khẳng định điều gì? Điều đó có ý nghĩa như thế nào trong bối cảnh hiện nay? | - Tác giả muốn khẳng định học phải có mục đích, phải hướng tới những giá trị cốt lõi.  - Điều đó rất đúng trong xã hội ngày nay khi con người có xu thế toàn cầu hóa. | | **Câu 5:** Theo em, sức thuyết phục của văn bản này được tạo nên bởi những yếu tố nào? Hãy đưa ra lí lẽ và phân tích bằng chứng để làm rõ một trong những yếu tố đó. | + Yếu tố:  - Hệ thống luận điểm chặt chẽ, mạch lạc.  - Các lí lẽ và dẫn chứng đưa ra thuyết phục.  - Tính thời sự, cập nhật xu thế chung của thế giới.  + Chứng minh: Trong phần “*Học để làm*”, tác giả đã dẫn ra những phát biểu của các nhà tư tưởng lớn như Hồ Chí Minh, Kant, Piaget nhằm tăng tính thuyết phục, tin cậy cho luận điểm của mình | | **Nhận xét về việc trình bày:**  - Luận điểm rõ ràng, thuyết phục.  - Bố cục bài viết hợp lí, chặt chẽ, các ý được dấn dắt tự nhiên.  **Ý nghĩa của văn bản**  - Tác giả muốn khẳng định học phải có mục đích, phải hướng tới những giá trị cốt lõi.  - Điều đó rất đúng trong xã hội ngày nay khi con người có xu thế toàn cầu hóa. | | | |
|  |  |

**C. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong văn bản, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau.

**b. Nội dung:**

HS trả lời câu hỏi: Từ những vấn đề gợi ra trong văn bản, hãy liên hệ với thực tiễn để chỉ ra một số bất cập (hạn chế) về việc học của học sinh hiện nay. Để giải quyết những bất cập (hạn chế) đó, cần phải làm gì?

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***GV giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung.

***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS làm việc cá nhân.

- GV quan sát, gợi mở (nếu cần).

***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***

- Trình bày cá nhân.

|  |  |
| --- | --- |
| \* Một số bất cập: | \* Giải pháp: |
| - Nhiều bạn học sinh, sinh viên vẫn đang thụ động tiếp nhận các bài giảng trên lớp của thầy cô mà không suy nghĩ, đào sâu, không sáng tạo, không vận dụng tư duy bản thân để phát triển thêm bài học.  - Học sinh, sinh viên vẫn tồn tại tâm lý học lệch, như quá thiên về các môn như toán, lý, hóa, văn, ngoại ngữ… mà bỏ qua các môn khác.  - Giới trẻ hiện nay vẫn đang chăm chỉ tích lũy cho mình bằng cấp, chứng chỉ, thậm chí ôm lý thuyết suông nhưng chưa chú trọng trau dồi kinh nghiệm thực tiễn, chưa chủ động tiếp cận với thực tế để làm phong phú vốn hiểu biết của mình mà sách vở không thể cung cấp hết được, chưa chú trọng thực tập, thực hành các kỹ năng cần thiết. | Cần quan tâm đến chất lượng lao động, nâng cao năng suất lao động. Muốn làm được điều này phải quan tâm hơn đến giáo dục nghề nghiệp, phải gắn kết giáo dục nghề nghiệp với giáo dục đại học để xác định cần đào tạo kiến thức gì, kỹ năng gì, lĩnh vực gì để ưu tiên. Không nên đào tạo theo hướng có cơ sở vật chất thế nào, có đội ngũ thế nào cứ đào tạo theo hướng đó, mà phải nghĩ đến thị trường lao động, yêu cầu phát triển của đất nước. |

- Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có).

***\*B4: Kết luận, nhận định:***

\* Lồng ghép ĐĐLS: Tóm tắt câu trả lời của các nhóm HS, GV khẳng định có nhiều cách nhìn, cách cảm nhận khác nhau về cùng một vấn đề, chi tiết, hình ảnh trong VB văn học.

**D. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản đã học mang lại.

**b. Nội dung:**

Trong bối cảnh đương đại với nhiều vấn đề toàn cầu như dịch bệnh, sự bùng nổ của mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo,…việc học có còn cần thiết với chúng ta không? Vì sao em cho là như vậy? Viết đoạn văn (khoảng 150-200 chữ) thể hiện suy nghĩ của em về vấn đề trên.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ

( Giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung).

**\*Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ:

- GV quan sát, gợi mở, hỗ trợ (nếu cần).

- HS suy nghĩ cá nhân.

**\*Bước 3:** Báo cáo, thảo luận:

- Trình bày cá nhân.

- Các HS khác theo dõi, nhận xét, phản biện (nếu có).

**\*Bước 4:** Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét thái độ tích cực chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS.

- Tuyên dương, ghi điểm cho những HS có bài viết hay. Động viên, khuyến khích những HS chưa hoàn thành được nhiệm vụ.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Soạn bài *tiếp theo*

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

- Phiếu học tập:

======//=======//========

Ngày soạn: 8/7/2024

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lớp | 9A1 | 9A2 |
| Ngày dạy |  |  |

**BÀI 5: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI VỀ MỘT VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT**

**Thời gian thực hiện: 03 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Viết được bài nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi, có sức thuyết phục

- Nêu được vấn đề nghị luận và giải thích được tại sao vấn đề này đáng được giải quyết.

- Trình bày rõ ý kiến về vấn đề được bàn; đưa ra được những lí lẽ thuyết phục, bằng chứng đa dạng để chứng minh ý kiến của người viết.

- Đối thoại với những ý kiến khác nhằm khẳng định quan điểm của người viết.

- Nêu được ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động.

**2. Về kĩ năng**

\* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

\* Năng lực đặc thù:

 - Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết.

- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng viết bài văn.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày

- Năng lực giải quyết vấn đề thông qua môn học

**3. Về phẩm chất**

- Yêu nước: Hiểu và tự hào về sự phong phú của tiếng Việt, bồi dưỡng tình yêu với tiếng Việt - ngôn ngữ của dân tộc chúng ta.

- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập

**Phiếu học tập số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU TÌM Ý** | |
| + Vấn đề ngại đọc sách của học sinh được biểu hiện như thế nào? |  |
| + Có những nguyên nhân nào khiến học sinh ngại đọc sách? |  |
| + Tác hại của việc ngại đọc sách là gì? |  |
| + Làm thế nào để giải quyết được vấn đề ngại đọc sách của học sinh? |  |

**Phiếu học tập số 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU LẬP DÀN Ý** | | |
| Mở bài | Giới thiệu vấn đề học sinh ngại đọc sách, nêu nhận xét chung |  |
| Thân bài | + Trình bày cụ thể các biểu hiện của vấn đề học sinh ngại đọc sách  + Lí giải về những tác hại của việc ngại đọc sách (đối với việc học, phát triển của bản thân, ...)  + Chỉ ra những nguyên nhân khiến học sinh ngại đọc sách (chủ quan, khách quan)  + Đề xuất những biện pháp khắc phục vấn đề ngại đọc sách của học sinh (Bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng nên làm gì, làm như thế nào?) |  |
| Kết bài | + Khẳng định quan điểm của bản thân về vấn đề  + Nêu lên suy nghĩ, mong muốn của bản thân liên quan đến vấn đề |  |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a) Mục tiêu**: HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b) Nội dung**: HS dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** (GV)

GV tổ chức trò chơi

Yêu cầu: Mỗi hình ảnh tương ứng với một vấn đề cần giải quyết, em hãy gọi tên vấn đề đó?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Sản phẩm dự kiến:

\* Tên 4 vấn đề của đời sống:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hình ảnh** | **Vấn đề cần giải quyết** |
|  | **Lãng phí điện** |
|  | **Lãng phí nước** |
|  | **Chặt phá rừng** |
|  | **Ô nhiễm môi trường** |

**Bước 4: Kết luận, nhận định** (GV):

GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức, cho điểm học sinh.

Giáo viên giới thiệu dẫn dắt vào bài:

Những hình ảnh mà các em vừa thấy đều là những vấn đề đang diễn ra trong cuộc sống. Đó là các vấn đề mà chúng ta cần giải quyết, khắc phục. Để đánh giá vấn đề đó là tốt hay xấu thì chúng ta cần đưa ra được những lí lẽ thuyết phục, bằng chứng đa dạng để chứng minh ý kiến của mình. Vậy viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết như thế nào? Cô và các em cùng tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỊNH HƯỚNG** | |
| **a) Mục tiêu:** Nắm được lưu ý của việc bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết  **b) Nội dung:**  **-** GV hỏi HS về nội dung phần Định hướng.  - HS trả lời  **c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.  **d) Tổ chức thực hiện**: | |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Sản phẩm cần đạt** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hoạt động chia sẻ  ? Dựa vào phần soạn bài và phần tìm hiểu kiến thức ngữ văn trong sgk, em hãy cho biết yêu cầu chung của kiểu bài nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết?  ? Theo em việc viết bài nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết cần có những chú ý gì?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  **HS:** chia sẻ theo hiểu biết của bản thân.  **GV**:  - Dự kiến khó khăn HS gặp: lúng túng khi lí giải, dùng từ diễn đạt chưa thoát ý  - Giúp đỡ học sinh bằng cách đặt thêm một số câu hỏi phụ gợi ý hoặc khích lệ HS mạnh dạn chia sẻ cảm xúc  B3: Báo cáo, thảo luận  - GV chỉ định 3 - 5 học sinh chia sẻ  - HS trình bày.  - HS bày tỏ suy nghĩ về phần chia sẻ của các bạn.  B4: Kết luận, nhận định  - GV nhận xét phần chia sẻ của HS. | **1.** **Định hướng**  **1.1. Yêu cầu chung**  - Nêu lên được vấn đề cần giải quyết.  - Triển khai tường minh, mạch lạc; làm rõ những hạn chế của vấn đề cần được khắc phục.  - Trình bày được một số biện pháp khả thi và có sức thuyết phục để giải quyết những hạn chế của vấn đề.  **1.2. Chú ý**  - Chọn vấn đề mang tính thời sự, có ý nghĩa xã hội, đang còn những hạn chế cần được giải quyết, vấn đề có tính thiết thực và phù hợp với mối quan tâm của các em.  - Bài viết phải trình bày rõ những hạn chế của vấn đề; nêu và lí giải được một số đề xuất khắc phục những hạn chế đó.  - Luận đề của bài viết cần được làm sáng tỏ bằng các luận điểm, với đủ lí lẽ và bằng chứng phong phú, chính xác, có sức thuyết phục, ...  - Người viết cần thể hiện rõ mục đích, thái độ của bản thân về vấn đề thông qua lí lẽ, bằng chứng và giọng điệu. |

|  |  |
| --- | --- |
| **THỰC HÀNH** | |
| **a) Mục tiêu:** HS thực hành viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết, chú ý sử dụng thao tác nghị luận chứng minh và bác bỏ trong văn nghị luận  **b) Nội dung:** HS thực hiện yêu cầu theo hướng dẫn của giáo viên  **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập số 1, số 2 của HS; bài văn của HS.  **d) Tổ chức thực hiện**: | |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **NV1**  B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  ? GV yêu cầu học sinh đọc phần chuẩn bị?  ? Học sinh thực hiện yêu cầu trong Phiếu học tập số 1: Tìm ý  ? Học sinh hoàn thiện các yêu cầu trong phiếu Phiếu học tập số 2: Lập dàn ý  B2: Thực hiện nhiệm vụ  **GV**:  - Phát phiếu học tập số 1, 2  - Phát hiện các khó khăn học sinh gặp phải và giúp đỡ HS.  **HS**:  - Tìm ý và lập dàn ý theo hệ thống câu hỏi trong phiếu (Hoàn thiện phiếu học tập số 1, 2 – làm việc cá nhân)  - Trao đổi bài theo cặp kiểm tra và sửa chữa (làm việc cặp đôi).  - Hoạt động viết  + Viết một đoạn văn: GV chia lớp thành 3 nhóm:  **Nhóm 1:** Thực hiện viết một đoạn văn phần mở bài, viết Đoạn 1 phần thân bài theo dàn ý đã lập  **Nhóm 2:** Thực hiện viết Đoạn 2, Đoạn 3 phần thân bài theo dàn ý đã lập  **Nhóm 3:** Thực hiện viết Đoạn 4 phần thân bài, một đoạn văn phần kết bài theo dàn ý đã lập  Có thể cho 6 học sinh trong 3 nhóm thực hiện trên bảng, các học sinh khác viết vào vở.  + Viết bài văn nghị luận hoàn chỉnh: HS hoạt động cá nhân  B3: Báo cáo, thảo luận  - GV: Yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  - HS: Trình bày sản phẩm của mình.  + Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bài của bạn và chữa bài của mình (nếu cần).  B4: Kết luận, nhận định  - GV chiếu kết quả của phiếu tìm ý, lập dàn ý để học sinh đối chiếu hoàn thiện bài.  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS | **2. Thực hành**  **Bài tập**: Suy nghĩ của em về vấn đề một số học sinh ngại đọc sách và cách khắc phục  **a.** **Chuẩn bị**  - Tìm hiểu đề để biết các thông tin chính trước khi viết:  + Kiểu bài: nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết.  + Nội dung chính: vấn đề một số học sinh ngại đọc sách và cách khắc phục.  + Phạm vi sử dụng dẫn chứng: từ thực tế cuộc sống; chuyện được nghe, đọc; được chứng kiến, trải nghiệm, ...  - Đọc sách báo, Internet và tìm trong thực tiễn những bằng chứng về vấn đề ngại đọc sách của học sinh (có thể liên hệ với chính mình); ghi chép lại những thông tin đó.  - Suy nghĩ về nguyên nhân của vấn đề này và các biện pháp khắc phục (có thể trao đổi với thầy cô, bạn bè, bố mẹ, anh chị, ... để tham khảo ý kiến của mọi người)  **b.** **Tìm ý và lập dàn ý**  **\* Tìm ý:**  - Với đề văn nêu trên, có thể tiến hành tìm ý dựa vào cách suy luận từ khái quát đến cụ thể như sau:  + Vấn đề ngại đọc sách của học sinh được biểu hiện như thế nào?  + Có những nguyên nhân nào khiến học sinh ngại đọc sách?  + Tác hại của việc ngại đọc sách là gì?  + Làm thế nào để giải quyết được vấn đề ngại đọc sách của học sinh?  **\* Lập dàn ý:**  **Mở bài:** Giới thiệu vấn đề học sinh ngại đọc sách, nêu nhận xét chung.  **Thân bài:**  + Trình bày cụ thể các biểu hiện của vấn đề học sinh ngại đọc sách  + Lí giải về những tác hại của việc ngại đọc sách (đối với việc học, phát triển của bản thân, ...)  + Chỉ ra những nguyên nhân khiến học sinh ngại đọc sách (chủ quan, khách quan)  + Đề xuất những biện pháp khắc phục vấn đề ngại đọc sách của học sinh (Bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng nên làm gì, làm như thế nào?)  **Kết bài:** + Khẳng định quan điểm của bản thân về vấn đề  + Nêu lên suy nghĩ, mong muốn của bản thân liên quan đến vấn đề.  **c.** **Viết**  - Viết một đoạn văn (mở bài, kết bài, Đoạn 1, Đoạn 2, Đoạn 3. Đoạn 4 trong phần thân bài)  - Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết, chú ý sử dụng thao tác nghị luận chứng minh và bác bỏ trong văn nghị luận  **d.** **Kiểm tra và chỉnh sửa**  - Đọc lại  - Kiểm tra về nội dung: các ý nêu trong đoạn văn, bài văn nghị luận đã hợp lí và đầy đủ chưa và hình thức: bố cục, diễn đạt, trình bày  - Nhận biết các lỗi còn mắc phải và cách chỉnh sửa  - Tự đánh giá kết quả bài viết |
| **Phiếu học tập số 1**   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU TÌM Ý** | | | + Vấn đề ngại đọc sách của học sinh được biểu hiện như thế nào? | - rất hiếm khi đọc sách, có sách nhưng không đọc, đọc qua loa, thích tìm thông tin trên mạng hơn là tìm trong sách, ... | | + Có những nguyên nhân nào khiến học sinh ngại đọc sách? | - chưa nhận thức đúng về tác dụng của việc đọc sách, việc học và làm bài tập mất nhiều thời gian, sự phát triển của công nghệ số có sức cuốn hút, không dễ tiếp cận được với sách, ... | | + Tác hại của việc ngại đọc sách là gì? | - thiếu hụt tri thức, việc học trở nên có giới hạn, không được mở rộng, hiểu biết thiếu chiều sâu; khó phát triển được năng lực tự học; tâm hồn, tình cảm, cảm xúc dễ trở nên chai sạn, nghèo nàn, ... | | + Làm thế nào để giải quyết được vấn đề ngại đọc sách của học sinh? | - nhận thức đúng tác dụng của việc đọc sách; được hướng dẫn cách đọc sách hiệu quả; được tiếp cận với sách hay, sách tốt; được nuôi dưỡng thói quen đọc sách từ gia đình đến nhà trường và cộng đồng | | |
| **Phiếu học tập số 2**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU LẬP DÀN Ý** | | | | Mở bài | Giới thiệu vấn đề học sinh ngại đọc sách, nêu nhận xét chung |  | | Thân bài | + Trình bày cụ thể các biểu hiện của vấn đề học sinh ngại đọc sách  + Lí giải về những tác hại của việc ngại đọc sách (đối với việc học, phát triển của bản thân, ...)  + Chỉ ra những nguyên nhân khiến học sinh ngại đọc sách (chủ quan, khách quan)  + Đề xuất những biện pháp khắc phục vấn đề ngại đọc sách của học sinh (Bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng nên làm gì, làm như thế nào?) |  | | Kết bài | + Khẳng định quan điểm của bản thân về vấn đề  + Nêu lên suy nghĩ, mong muốn của bản thân liên quan đến vấn đề |  |  |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Sản phẩm cần đạt** | | **NV2**  B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  ? Dựa vào phần soạn bài và phần tìm hiểu kiến thức ngữ văn trong sgk, em hãy cho biết việc sử dụng thao tác nghị luận chứng minh và bác bỏ trong văn nghị luận có cách thức như thế nào?  ? Làm bài tập sgk trang 134  **Bài tập**  1. Trong đoạn văn, em hiểu tác giả muốn bác bỏ ý kiến nào và muốn khẳng định ý kiến nào?  2. Viết đoạn văn (khoảng 10 đến - 12 dòng) để khẳng định hoặc bác bỏ một trong số ý kiến sau:  + Việc tự học của mọi người ngày càng thuận lợi.  + Chọn được sách hay, sách tốt để đọc không phải dễ dàng.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  **HS:** chia sẻ theo hiểu biết của bản thân.  **GV**:  - Dự kiến khó khăn HS gặp: lúng túng khi làm bài tập  - Giúp đỡ học sinh bằng cách đặt thêm một số câu hỏi phụ gợi ý hoặc khích lệ HS mạnh dạn chia sẻ cảm xúc  B3: Báo cáo, thảo luận  - GV chỉ định 3 - 5 học sinh chia sẻ, làm bài tập  - HS trình bày.  - HS bày tỏ suy nghĩ về phần chia sẻ của các bạn.  - HS nhận xét phần làm bài tập của bạn.  B4: Kết luận, nhận định  - GV nhận xét phần chia sẻ, phần làm bài tập của HS. | **2. Rèn luyện kĩ năng viết: Sử dụng thao tác nghị luận chứng minh và bác bỏ trong văn nghị luận**  **a. Cách thức**  - Chứng minh và bác bỏ là hai thao tác lập luận đều chủ yếu dùng lí lẽ và bằng chứng đã được thừa nhận để thuyết phục người đọc về tính đúng đắn, đáng tin cậy hoặc làm rõ sự sai trái, thiếu chính xác, cần phê phán, ... của một ý kiến. Các lí lẽ, bằng chứng dùng để chứng minh và bác bỏ cần được lựa chọn, phân tích một cách khách quan thì mới có sức thuyết phục.  - Muốn chứng minh hay bác bỏ, trước hết, người viết phải xác định được ý kiến cần chứng minh, bác bỏ là gì. Từ những ý kiến đó đưa ra lí lẽ và nêu bằng chứng để chứng minh. Nếu bác bỏ cũng cần đưa ra lí lẽ và nêu bằng chứng bác bỏ.  **b. Bài tập**  1. + Vị chủ tướng Trần Hưng Đạo bác bỏ ý kiến để tướng sĩ được sống vui vẻ trong hoàn cảnh “ngàn cân treo sợi tóc” của dân tộc. Vì nếu giặc tràn sang thì những thú vui như chọi gà, đánh bạc, ... sẽ không có nghĩa lý gì. Mọi người sẽ bị giặc bắt, tất cả sẽ mất hết vào tay giặc, chỉ còn lại nỗi nhục đến muôn đời sau.  + Từ việc bác bỏ, phê phán nghiêm khắc lối sống hưởng thụ cá nhân của tướng sĩ nhà Trần, tác giả đã dựng lên viễn cảnh đen tối nếu nước mất nhà tan để ngầm khẳng định con đường sống duy nhất và đúng đắn của tướng sĩ lúc này là phải chuẩn bị tốt cho cuộc chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, giữ nước, giữ nhà.  + Tóm lại tác giả đã bác bỏ quan điểm tư tưởng của tướng sĩ chỉ thấy cái lợi, cái vui trước mắt mà không thấy cái họa sau lưng, phê phán lối sống cá nhân, hưởng thụ. Qua đó khẳng định: Lợi ích vững bền của cá nhân, gia đình luôn gắn với lợi ích của quốc gia, dân tộc | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRẢ BÀI** | |
| **a) Mục tiêu:**  - Thấy được ưu điểm và nhược điểm của bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết, chú ý sử dụng thao tác nghị luận chứng minh và bác bỏ trong văn nghị luận  - Chỉnh sửa hoàn thiện bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết  **b) Nội dung:**  - HS thảo luận theo cặp nhận xét bài của mình và bài của bạn.  - HS đọc bài viết, làm việc theo cặp.  **c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.  **d) Tổ chức thực hiện**: | |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Sản phẩm cần đạt** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  - Yêu cầu HS đọc, nhận xét, chữa bài theo cặp  - HS chữa lại bài sau khi đã đọc lại và nhận phiếu góp ý từ bạn.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - GV giao nhiệm vụ  - HS làm việc theo cặp và làm việc cá nhân  - GV thu phiếu của một vài cặp ngẫu nhiên và chữa    B3: Báo cáo, thảo luận  - GV yêu cầu 3 - 5 nhóm báo cáo kết quả thảo luận, rút kinh nghiệm của cặp mình với bạn.  B4: Kết luận, nhận định  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.  - Chiếu một số bài làm tốt của HS để HS trong lớp tham khảo. | **-** Bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết đã chỉnh sửa của HS đảm bảo yêu cầu của đề bài. |

**3. HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** GV đưa thêm các bài tập để củng cố, khắc sâu kiến thức bài học

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV chiếu các dạng bài tập

**Bài 1. Các bước để viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết là gì?**

1. Chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý, viết bài, kiểm tra và chỉnh sửa
2. Chuẩn bị; tìm ý và lập dàn ý, kiểm tra và chỉnh sửa, viết bài
3. Tìm ý và lập dàn ý, chuẩn bị, kiểm tra và chỉnh sửa, viết bài
4. Kiểm tra và chỉnh sửa, viết bài, chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý

**Bài 2. Trong các thao tác để thực hiện viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết, theo em thao tác nào là quan trọng nhất, vì sao?**

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm bài cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi học sinh trả lời các bài tập

B4: Kết luận, nhận định

- GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại trong bài làm của HS.

**Bài 1.** Trả lời: đáp án A

**Bài 2.** Học sinh có thể lựa chọn thao tác mà học sinh nhận thấy là quan trọng nhất, chỉ cần đưa ra kiến giải hợp lí và thuyết phục.

Chiếu một số bài làm tốt của HS để HS trong lớp tham khảo.

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**: Học sinh vận dụng kiến thức được học viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyếtđảm bảo các yêu cầu về hình thức, nội dung

**b) Nội dung:** Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ (ở nhà)

**c) Sản phẩm**: Sản phẩm của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

? Viết bài văn cho đề bài: Suy nghĩ của em về vấn đề ô nhiễm môi trường và cách khắc phục.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ.

HS: Đọc, xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- Nộp sản phẩm về GV sau 1 tuần

B4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng quy định (nếu có).

**\* Hướng dẫn học sinh học bài và chuẩn bị bài**

**-** Hướng dẫn học sinh học bài ở nhà: tiếp tục hoàn thiện bài tập trong tiết học

- Chuẩn bị bài sau: Soạn bài Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự

**BÀI 5: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT SỰ VIỆC CÓ TÍNH THỜI SỰ**

***Thời gian thực hiện: 1 tiết***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:** Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực ngôn ngữ HS tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp, biết kết hợp ngôn ngữ nói với điệu bộ, cử chỉ, nét mặt (ngôn ngữ hình thể).

**3. Về phẩm chất**

-*Trách nhiệm:* có ý thức đọc sách để tích lũy kiến thức, mở rộng hiểu biết của bản thân; tự giác và trân trọng việc học

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Hình ảnh liên quan đến bài học

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, phiếu bài tập, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu 4 hình ảnh và yêu cầu HS phát hiện nội dung các bức ảnh



+ Ảnh 1: biến đổi khí hậu

+ Ảnh 2: chiến tranh

+ Ảnh 3: sự ảnh hưởng của công nghệ đến đời sống con người

+ Ảnh 4: lạm dụng sức lao động ở trẻ em

GV hỏi cá nhân:

? Theo em, những vấn đề được phản ánh trong các bức ảnh có mang tính thời sự không?

? Em hãy thử kể thêm các vấn đề mang tính thời sự mà em quan tâm hiện nay?

? Vì sao chúng ta cần quan tâm đến những vấn đề mang tính thời sự?

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày, HS khác nhận xét

**-Bước 4: Kết luận, nhận định:**

GV đánh giá, nhận xét HS

GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong thực tế cuộc sống, có rất nhiều vấn đề nổi cộm diễn ra hàng ngày, thu hút sự quan tâm của nhiều người. Trước những vấn đề ấy, chúng ta cần bày tỏ quan điểm riêng của mình, bảo vệ quan điểm ấy bằng những lí lẽ bằng chứng thuyết phục, đúng đắn. Ở bài trước, các em đã được rèn luyện cách thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống, ngày hôm nay, chúng ta cùng thể hiện kĩ năng nói của bản thân trước tập thể về một vấn đề mang tính thời sự nhé.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** HS tìm hiểu những lưu ý khi thực hiện bài nói  **b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS tìm hiểu những lưu ý khi thực hiện bài nói và nghe  **c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc mục Định hướng SGK và xác định những lưu ý khi trình bày bài nói  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời câu hỏi.  **Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận:**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **I. Định hướng**  **Lưu ý:**  + Lựa chọn sự việc phù hợp với lứa tuổi, có tính thời sự, có ý nghĩa giáo dục.  + Tìm hiểu kĩ sự việc, xác định ý kiến của bản thân về sự việc đó (đồng tình hay phản đối, cũng có thể đồng tình, phản đối 1 phần)  + Khi trình bày, cần đưa ra được các lí lẽ, kèm theo phân tích những bằng chứng tin cậy thể hiện quan điểm của bản thân.  + Có thể sử dụng 1 số phương tiện hỗ trợ để tăng sức thuyết phục. |
| **III. HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH**  **a. Mục tiêu:** HS thực hành nói và nghe  **b. Nội dung:** GV sử dụng PPDH theo nhóm tổ chức cho HS thực hành kĩ năng nói và nghe  **c. Sản phẩm:** phiếu học tập cá nhân  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu rõ yêu cầu HS lựa chọn đề bài 1 và xác định các bước tiến hành.  - GV yêu cầu HS mở lại dàn ý phần Viết  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung Nghe;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  - Ghi lên bảng. | **II. THỰC HÀNH**  **Bài tập:** *Suy nghĩ của em về vấn đề 1 số HS ngại đọc sách và cách khắc phục.*  **A. Trước khi nói:**  - Chuẩn bị  - Tìm ý và lập dàn ý  **\*Lưu ý cho người nghe:**  ***Bước 1: Lắng nghe và ghi tóm tắt.***  - Lắng nghe nội dung trình bày: cần nghe hết câu, hết ý để hiểu rõ điều người trình bày muốn nói.  - Ghi chép tóm tắt nội dung trình bày:  + Căn cứ trên thực tế ý kiến của người phát biểu để ghi tóm tắt.  + Tóm lược các ý chính dưới dạng từ, cụm từ.  - Dùng các kí hiệu như các số thứ tự, gạch đầu dòng,... để thể hiện tính hệ thống của các ý kiến.  ***Bước 2: Đọc lại và ghi ra những góp ý cho phần trình bày của bạn***  - Đọc lại phần ghi tóm tắt và chỉ ra những điều cần góp ý  - Xác định với người nói về nội dung em vừa tóm tắt. Trao đổi lại những ý kiến em chưa hiểu rõ hoặc có quan điểm khác. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại thực hiện việc Nghe - ghi chép: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, theo gợi ý  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận:**  **-** HS trình bày bài nói  - HS khác lắng nghe, nhận xét  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét chung phần thực hành của HS | **B. Nói và Nghe:** |
| - **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo bảng kiểm:  + HS khác lắng nghe, rút kinh nghiệm  + HS trình bày lắng nghe, phản biện, tự rút kinh nghiệm.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ  - **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện HS trình bày  - HS nhận xét chéo  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá HS | **C. Sau khi nói:**  - Người nói:  + Nội dung đã đủ ý chưa?  + Rút kinh nghiệm về cách phát biểu (diễn đạt, ngôn ngữ, điệu bộ, cử chỉ, thái độ), vấn đề lựa chọn, quá trình chuẩn bị, nội dung và thái độ trình bày  + Tự trình bày: trong bài của mình em hài lòng về những điểm nào? Bài trình bày đã có sức thuyết phục chưa? Em muốn thay đổi điều gì trong bài trình bày của mình?  - Người nghe:  + Kiểm tra việc nghe và ghi chép các nội dung thông tin đã chính xác chưa  + Nêu nhận xét về nội dung, hình thức và tính thuyết phục của bài trình bày  + Nêu câu hỏi về vấn đề chưa rõ, điều muốn mở rộng, trao đổi ý kiến mình chưa thuyết phục.  + Đánh giá: em thấy bài của bạn có thuyết phục không? Vì sao? Điều em rút ra được từ bài trình bày của bạn với bản thân là gì |

**BẢNG KIỂM NHẬN XÉT ĐỐI VỚI NGƯỜI NÓI/TRÌNH BÀY**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Nội dung cụ thể | Tự đánh giá | |
| Đạt | Chưa đạt |
| Nội dung | - Ưu điểm:..........................................................  ...........................................................................  - Tồn tại: ...........................................................  ...........................................................................  - Kinh nghiệm rút ra: ........................................  ........................................................................... |  |  |
| Hình thức trình bày | - Ưu điểm:..........................................................  ...........................................................................  - Tồn tại: ...........................................................  ...........................................................................  - Kinh nghiệm rút ra: ........................................  ........................................................................... |  |  |
| Việc sử dụng ngôn ngữ cơ thể | - Ưu điểm:..........................................................  ...........................................................................  - Tồn tại: ...........................................................  ...........................................................................  - Kinh nghiệm rút ra: ........................................  ........................................................................... |  |  |
| Tự đánh giá | - Trong bài của mình em hài lòng về những điểm nào? ........................................................  ...........................................................................  ...........................................................................  - Bài trình bày đã có sức thuyết phục chưa?  ...........................................................................  ...........................................................................  - Em muốn thay đổi điều gì trong bài trình bày của mình?  ...........................................................................  ........................................................................... |  |  |

**BẢNG KIỂM NHẬN XÉT ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHE**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Nội dung cụ thể | Tự đánh giá | |
| Đạt | Chưa đạt |
| Tóm tắt nội dung bài nói của bạn  ...............................................................................................................................................  ............................................................................................................................................... ...............................................................................................................................................  ............................................................................................................................................... ...............................................................................................................................................  ............................................................................................................................................... ...............................................................................................................................................  ............................................................................................................................................... | | | |
| Nội dung | - Ưu điểm:..........................................................  ...........................................................................  - Tồn tại: ...........................................................  ...........................................................................  - Kinh nghiệm rút ra: ........................................  ........................................................................... |  |  |
| Hình thức trình bày | - Ưu điểm:..........................................................  ...........................................................................  - Tồn tại: ...........................................................  ...........................................................................  - Kinh nghiệm rút ra: ........................................  ........................................................................... |  |  |
| Việc sử dụng ngôn ngữ cơ thể | - Ưu điểm:..........................................................  ...........................................................................  - Tồn tại: ...........................................................  ...........................................................................  - Kinh nghiệm rút ra: ........................................  ........................................................................... |  |  |
| Tự đánh giá | - Em thấy bài trình bày của bạn có thuyết phục không? Vì sao? ........................................................  ...........................................................................  ...........................................................................  - Điều em rút ra được từ bài trình bày của bạn là gì?  ...........................................................................  ........................................................................... |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để luyện nói, luyện tóm tắt nội dung.

**b. Nội dung:** HS dựa vào góp ý của các bạn và GV, thực hành nói và nghe lại.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu : *Các bạn làm việc theo cặp: Một bạn Nói, một bạn Nghe và góp ý cho nhau, sau đó chia sẻ cảm nhận về bài trình bày của mình trước lớp.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS làm việc cặp đôi.

- Gv quan sát, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

- Đại diện nhóm báo báo kết quả

- Cả lớp khác lắng nghe, chia sẻ

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức*.*

**HOẠT ĐỘNG 4:** **VẬN DỤNG ( 8 phút)**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu: *Em hãy thiết kế 1 bản thu âm/phát thanh về vấn đề trẻ hiện đang bị lạm dụng sức lao động và giải pháp khắc phục để tiến hành phát thanh trong buổi sinh hoạt măng non của trường.*

- Thời gian thực hiện: 1 tuần

- Hình thức nộp bài: gửi trên azota hoặc padlet. GV sẽ chọn 3 bài xuất sắc để phát thanh măng non tại trường

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ thực hiện ở nhà.

- Gv quan sát, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

- Hs báo báo kết quả

- Hs khác lắng nghe, bổ sung, phản biện vào tiết sau

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức